

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D1
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2022/HNGĐ-ST
Ngày 24-3-2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D1, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tuyên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Lợi;

Bà Trần Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 352/2021/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Thanh H1, sinh năm 1980. Thường trú: thôn T, xã T, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: khu trung tâm hành chính thành phố D1, khu phố N, phường D1, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim O, sinh năm 1981. Thường trú: thôn T, xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình. Tạm trú: khu trung tâm hành chính thành phố D1, khu phố N, phường D1, thành phố D1, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 11-11-2021, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lương Thanh H1 trình bày:

Ông Lương Thanh H1 và bà Nguyễn Thị Kim O tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2004, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân

dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/02/2004. Thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2020 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã tìm cách giải quyết mâu thuẫn, ông H1 đã cố gắng hàn gắn quan hệ hôn nhân nhưng không có kết quả; hai bên gia đình không có ý kiến, để hai vợ chồng tự quyết định. Hiện nay, hai vợ chồng và con chung sống tại địa chỉ: khu trung tâm hành chính thành phố D1, khu phố N, phường D1, thành phố D1, tỉnh Bình Dương. Tuy nhiên, hai vợ chồng không còn quan hệ vợ chồng, không quan tâm đến cuộc sống của nhau, không khí gia đình luôn căng thẳng, ngột ngạt. Vì vậy, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết bao gồm:

- Về hôn nhân: yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O.

- Về con chung: Yêu cầu giao 02 con chung tên Lương Thanh H2, sinh ngày 03/12/2004 và Lương Thanh T1, sinh ngày 14/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Lương Thanh H1 tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lương Thanh H2 và Lương Thanh T1 đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chứng cứ do nguyên đơn giao nộp gồm bản sao các tài liệu, chứng cứ: Căn cước công dân của ông Lương Thanh H1, chứng minh nhân dân của bà Nguyễn Thị Kim O, sổ hộ khẩu gia đình của ông Lương Thanh H1, sổ tạm trú của ông Phạm Phi L1, giấy khai sinh của cháu Lương Thanh H2, Lương Thanh T1 và bản chính Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O trình bày: Bà O thống nhất với lời trình bày của ông H1 về quá trình chung sống, cũng như về con chung và việc có đăng ký kết hôn. Bị đơn không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì quá trình sống chung 18 năm vợ chồng hạnh phúc tuy nhiên thời gian gần đây ông H1 có hành vi ngoại tình với người phụ nữ khác. Hai bên gia đình đã đứng ra dàn xếp hạnh phúc gia đình nhưng ông H1 vẫn không thay đổi. Ông H1 đẩy trách nhiệm cho một mình bà O nuôi hai con để đi với người phụ nữ khác là thiếu trách nhiệm, hai vợ chồng không có mâu thuẫn nhưng do ông H1 có người phụ nữ khác nên mới nộp đơn ly hôn. Bà O mong muốn vợ chồng hàn gắn để cùng xây dựng cuộc sống gia đình hạnh phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng, đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định; không kiến nghị khắc phục, bổ sung các thủ tục tố tụng. Quan hệ pháp luật là ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có tại hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa nhận thấy mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân giữa ông H1 và bà O là trầm trọng, không

hàn gắn đoàn tụ được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lương Thanh H1.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tổ tụng: Nguyên đơn ông Lương Thanh H1 khởi kiện tranh chấp ly hôn, nuôi con đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim O tạm trú tại khu trung tâm hành chính thành phố D1, khu phố N, phường D1, thành phố D1, tỉnh Bình Dương nên căn cứ theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương; quan hệ pháp luật tranh chấp là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông H1 và bà O có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/02/2004 nên đây là hôn nhân hợp pháp. Ông H1 xác định quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc; để đạt được mục đích đó vợ chồng cần phải thương yêu, tin tưởng, quý trọng, chăm sóc, cùng nhau vun đắp, giúp đỡ, tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Đây cũng là nghĩa vụ của vợ, chồng được quy định tại Điều 19, Điều 21 của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà O không đồng ý ly hôn nhưng không đưa ra được giải pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, ông H1 kiên quyết xin ly hôn. Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để xác định quan hệ hôn nhân giữa ông H1 và bà O đã trầm trọng nên việc ông H1 yêu cầu ly hôn với bà O là có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Ông H1 và bà O có 02 con chung tên Lương Thanh H2, sinh ngày 03/12/2004 và Lương Thanh T1, sinh ngày 14/8/2012, ông H1 yêu cầu giao 02 con chung cho bà O nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu H2 và cháu T1 đang sống chung với bà O và có nguyện vọng sống với bà O, bà O có đủ điều kiện để nuôi con phát triển bình thường. Do vậy, Hội đồng xét xử giao cháu H2 và cháu T1 cho bà O trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Thanh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lương Thanh H2 và Lương Thanh T1 đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và chấp nhận đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 227, 228, 266, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lương Thanh H1 đối với bà Nguyễn Thị Kim O về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Lương Thanh H1 được ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim O (Giấy chứng nhận kết hôn số 02 quyền số 01 ngày 02/02/2004 do Ủy ban nhân dân xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình cấp).

- Về con chung: Giao 02 con chung tên Lương Thanh H2, sinh ngày 03/12/2004 và Lương Thanh T1, sinh ngày 14/8/2012 cho bà Nguyễn Thị Kim O trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Lương Thanh H1 cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 3.000.000 đồng/tháng cho đến khi cháu Lương Thanh H2 và Lương Thanh T1 đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con nếu lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về án phí:

- Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lương Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng được khấu trừ 300.000 đồng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền

tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003146 ngày 15 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố D1, tỉnh Bình Dương.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Lương Thanh H1 phải chịu 300.000 đồng.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- VKSND thành phố D1 (01);
- Chi cục THADS thành phố D1 (01);
- Các đương sự (02);
- UBND xã T, thành phố T, tỉnh Thái Bình (01);
- Lưu: Văn phòng, hồ sơ vụ án (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tuyên